

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HSST

Ngày 21/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Đỗ Ngọc Cận**

2/ Bà: **Ông Thanh Bạch**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà **Trịnh Thị Ánh Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Đoàn Trọng N**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số 45/11 đường M, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Nhựt N (chết) và bà Trần Thị Đ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 21/5/2017. (có mặt)

2. **Nguyễn Minh P** (có tên gọi khác là **C**), sinh năm 1991; Nơi thường trú: Số 23/7 đường M, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số 23/1 đường M, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B; Tiền án: 01 lần, vào ngày 04/12/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số

105/2013/HSST, đến ngày 26/02/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích vì bị cáo chưa thực hiện phân bồi thường trách nhiệm dân sự là 4.556.250đ; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 21/5/2017. (có mặt)

3. **Phạm Tấn C** (có tên gọi khác là **L**), sinh năm 1987; Nơi thường trú: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Sống lang thang tại khu vực Bến tàu S đường L, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Tấn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Thu V (chết); Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần, vào ngày 18/7/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng Quyết định số 20/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn là 20 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo đang cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 20/QĐ-TA ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tại Trung tâm Giáo dục-Lao động Xã hội tỉnh Sóc Trăng từ ngày 24/5/2017 cho đến nay. (có mặt)

* *Người bị hại*: Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Số 45/11 đường M, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Những người làm chứng*:

1/. Ông **Trần Phong V**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 292/5A đường L, Khóm 2, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2/. Ông **Lê Long C**, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Số 2/33 đường L, Khóm 2, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C là bạn của nhau, đều là những người không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy.

Vào khoảng 01 giờ khuya ngày 21/5/2017, N sử dụng xe đạp đi đến Bến tàu tại đường L, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gặp và rủ P đi tìm tài sản của người khác sơ hở để trộm cắp thì P đồng ý. N đạp xe chở P ngồi sau đi nhiều tuyến đường của thành phố S tìm tài sản để trộm. Khi đi đến Khu dân cư đường Đ, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì cả hai phát hiện

thấy xe ô tô tải biển số 51D-014.17 của anh Lê Thanh T đậu trong Khu dân cư đường Đ thì N và P dừng lại quan sát thấy bên trong xe ô tô có tài sản nhưng không có người trông giữ nên N tìm và nhặt được một đoạn dây kẽm cạy phá khóa cửa xe ô tô nhưng không mở được cửa xe, N tiếp tục cạy gon cao su kiềng chắn gió cửa sau xe ô tô, khi mở được gon cao su thì N và P cùng khiêng kiềng xe ô tô đặt xuống đất, sau đó P trèo qua ô kiềng cửa để vào bên trong xe ô tô rồi lần lượt trộm cắp 02 thùng phân bón lá hiệu L- K40, mỗi thùng có 40 chai, thể tích mỗi chai 500ml, chuyển ra ngoài cho N. Do thùng phân có trọng lượng nặng không thể chở đi cùng một lúc được nên N mang 01 thùng phân cất giấu vào bụi cỏ ven đường, tiếp theo đó N đạp xe chở P ngồi sau ôm một thùng phân đi tìm nơi cất giấu, khi đi đến trước Trường Trung học Phổ thông H ở đường M, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì N và P xảy ra mâu thuẫn về nơi cất giấu tài sản trộm cắp có được, vì vậy P bỏ đi bộ, còn N tự chở thùng phân đi đến Bến tàu tại đường L cất giấu, thì thấy Phạm Tấn C đang ngồi lựa phân loại phế liệu nhặt được nên N rủ C đi trộm cắp tài sản, thì C đồng ý, và hỏi địa điểm thì được N chỉ chỗ để trộm cắp, sau đó N đạp xe đi chở P đi chở thùng phân thứ hai đã trộm cắp được và cất giấu ở bụi cỏ. Sau khi, được N chỉ chỗ thì C đi xuống Bến tàu tại đường L gặp Trần Phong V đang ngồi câu cá, C mới nhờ V điều khiển xe mô tô chở C đi công việc, nhưng không nói rõ mục đích cho V biết thì V đồng ý và chở C đi theo hướng dẫn của C. Khi đến Khu dân cư Đ thì C yêu cầu V dừng xe ở bên ngoài còn C đi bộ vào nơi có xe ô tô tải biển số 51D-014.17 của anh T đang đậu, C trèo qua lỗ hổng để vào bên trong xe ô tô trộm cắp 01 thùng phân bón lá hiệu L-K40 của anh Lê Thanh T, rồi ôm thùng phân nói trên đi ra ngồi lên xe cho V chở đi một đoạn khoảng 100 mét thì gặp N và P đang đạp xe chở thùng phân, khi gặp thì N nhờ và đưa thùng phân cho C chở đến Bến tàu tại đường L. Khi đến Bến tàu thì V tiếp tục đi câu cá rồi sau đó đi về nhà. Còn N, P và C mang thùng phân để trên bờ kè gần Bến tàu cất giấu. Đến khoảng 06 giờ ngày 21/5/2017, N mở thùng lấy ra một chai phân đưa cho Nguyễn Văn B là người sống lang thang nhờ đi bán giùm, B mang chai phân đi bán nhưng không bán được nên đi trở lại trả chai phân cho N, sau đó N đạp xe đi về nhà, còn P ở lại trông giữ 02 thùng phân, còn C đưa thùng phân cho Lê Long C là bạn của C, nhờ đi bán và C đã bán thùng phân được 600.000đ, cho một người đi đường không rõ tên và địa chỉ và C đã tiêu xài hết số tiền nói trên. Sau khi phát hiện bị mất tài sản anh Lê Thanh T trình báo Công an sự việc. Đến khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 21/5/2017, lực lượng công an Phường 4, thành phố S và Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an thành phố Sóc Trăng phát hiện bắt giữ Nguyễn Minh P thu giữ được 02 thùng phân bón lá là vật chứng của vụ án.

Trong quá trình điều tra triệu tập Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C làm việc thì cả ba đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 88/KL.ĐGTS ngày 23/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 120 chai phân bón lá nhãn hiệu L-K40, thể tích mỗi 500ml, giá trị sử dụng còn lại là 100%, với số tiền là 120 chai x 75.000đ/chai = 9.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 66/QĐ-KSDT ngày 24/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Trọng N xử phạt bị cáo Nghĩ từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p Khoản 1, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh P xử phạt bị cáo Phương từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Tấn C xử phạt bị cáo C từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ thừa nhận xe đạp mini màu trắng là của bà việc bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện phạm tội thì bà không biết. Nay bà đã nhận lại xe đạp và không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người bị hại tại các biên bản ghi lời khai thì người bị hại thừa nhận đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường và yêu cầu xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai cho các bị cáo. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người bị hại ông Lê Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt người làm chứng ông Trần Phong V không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra thì những người nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 191 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt đối với những người trên.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C đã khai nhận:

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và điều kiện ma túy vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 01 giờ ngày 21/5/2017, bị cáo N rủ các bị cáo P và C đi đến Khu dân cư Đ, Khóm 1, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng phát hiện có 01 xe ô tô tải biển số 51D-014.17 của người bị hại Lê Thanh T đậu trong khu dân cư bên trong có để các thùng phân bón lá nhưng có người trông coi nên dùng đoạn dây kẽm cạy gon cao su kiếng chắn gió cửa sau xe ô tô rồi đột nhập vào xe lấy trộm được 03 thùng phân bón lá hiệu L-K40, mỗi thùng có 40 chai thể tích mỗi chai là 500ml đem về Bến tàu ở đường L, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để cất giấu. Khi cơ quan Điều tra mời làm việc thì các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử thấy,

Đối với các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C đã cùng thống nhất lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại lén lút lấy

trộm được 120 chai phân bón lá nhãn hiệu L-K40. Qua định giá tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị là 9.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, bị cáo cũng biết rõ bất cứ người nào dùng thủ đoạn gì để chiếm đoạt tài sản trên mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu đều là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy biết vậy nhưng với tính tham lam ích kỷ, lười biếng lao động thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã bất chấp đạo đức lối sống, bất chấp cả pháp luật để lao vào con đường phạm tội và tội phạm của bị cáo đã hoàn thành. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặc dù các bị cáo đã cùng thống nhất thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo. Nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò cụ thể của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Đoàn Trọng N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo P và C cùng lấy trộm tài sản của người bị hại. Bị cáo còn là người thực hành tích cực, chính bị cáo là người đã cung cấp xe đạp để làm phương tiện phạm tội và khi phát hiện được tài sản thì bị cáo còn trực tiếp dùng đoạn dây kẽm cạy gon cao su kiếng chắn gió cửa sau xe ô tô để đồng bọn đột nhập vào xe lấy trộm tài sản của người bị hại. Tài sản mà bị cáo đã lấy trộm được là 03 thùng phân bón lá nhãn hiệu L-K40. Nên đối bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh P là một đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, sau khi nghe bị cáo N rủ đi tìm tài sản để lấy trộm thì bị cáo đồng tình hưởng ứng. Khi bị cáo N cạy được kiếng chắn gió cửa sau xe ô tô tải thì chính bị cáo là người đã trực tiếp đột nhập vào xe lấy trộm tài sản của người bị hại. Tài sản mà bị cáo đã lấy trộm được là 02 thùng phân bón lá nhãn hiệu L-K40. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Tấn C là một đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, sau khi nghe bị cáo N rủ đi lấy trộm thì bị cáo đồng tình hưởng

ứng. Chính bị cáo là người trực tiếp đột nhập vào xe ô tô tải lấy trộm tài sản của người bị hại. Tài sản mà bị cáo đã lấy trộm được là 01 thùng phân bón lá nhãn hiệu L-K40. Do đó, đối với bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy,

Đối với bị cáo N không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, đối với bị cáo N mặc dù trước khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 21/5/2017 thì bị cáo chưa bị Tòa án kết án, nhưng vào ngày 19/5/2017 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, cơ quan Điều tra công an thành phố Sóc Trăng và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã khởi tố, truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự nên lần phạm tội này của bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo P có 01 tình tiết tăng nặng, vì vào ngày 04/12/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2013/HSST, đến ngày 26/02/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích vì bị cáo chưa thực hiện phần bồi thường trách nhiệm dân sự là 4.556.250đ nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự để tăng nặng một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm g, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo C không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng

gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Phong V khi bị cáo C nhờ chở đi công việc thì V không biết mục đích của bị cáo C là đi lấy trộm tài sản, khi bị cáo C lấy trộm tài sản của người bị hại thì V không biết và hàng ngày khi bị cáo C đi lượm ve chai thì V cũng thường hay chở giúp nên không chứng minh được V có vai trò đồng phạm với bị cáo C nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Lê Long C và Nguyễn Văn B là người đã đem số chai phân bón của các bị cáo lấy trộm đi bán nhưng không biết là do các bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về tội danh, về hình phạt và việc áp dụng pháp luật như đã nhận định như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Trọng N, Nguyễn Minh P và Phạm Tấn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Trọng N.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm g, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh P (C).

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Tấn C (L).

1. Xử phạt bị cáo Đoàn Trọng N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P (C) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2017.

3. Xử phạt bị cáo Phạm Tấn Cường (L) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Thanh T không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Định